TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 31 - 12 - 2021
V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn giữa bà M và ông K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng.

Bà Huỳnh Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về "tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn, về nợ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Ngọc M, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 66, ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1989; địa chỉ: Số x, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2020); vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; địa chỉ: Số x, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Hồ Ngọc M trình bày:

Bà M và ông K kết hôn năm 1987, Tòa án giải quyết cho ly hôn vào tháng 4/2018 và khi ly hôn không yêu cầu chia tài sản, nợ. Nay bà M yêu cầu được chia diện tích đất 143,8m^2, trong đó yêu cầu nhận 50m^2 đất ONT; phần đất có nhà còn lại diện tích 247,3m^2 thì để ông K sử dụng, trong đó có 100m^2 đất ONT, không yêu cầu giá trị chênh lệch.

Về số nợ ngân hàng 210.000.000 đồng, vay bằng tín chấp lương của bà M, từ trước đến nay do bà M trả và đã trả xong, tính từ tháng 4/2018 còn nợ 89.739.685 đồng nên bà M yêu cầu ông K trả lại phân nữa số tiền là 44.869.842 đồng, nhưng tại phiên tòa bà M rút yêu cầu này. Về nợ hụi, bà M yêu cầu ông K hoàn trả số tiền 12.000.000 đồng. Các tài sản trong nhà không yêu cầu chia, giá trị căn nhà không yêu cầu chia.

Bị đơn Nguyễn Minh K trình bày:

Ông K và bà M kết hôn 1987, chung sống không hợp nhau nên xin ly hôn từ năm 2007, đến năm 2018, Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình chung sống không có tài sản chung.

Đất có nguồn gốc là của cha mẹ ông K để lại, trên đất có căn nhà thờ ông bà nên ông K không đồng ý chia. Ông K chỉ đồng ý chia cho bà M phần đất phía sau mà bà M yêu cầu, không cho lối đi vào, bởi vì bà M chỉ sống một mình, hiện nay đang ở nhà trọ, lương hưu đủ thuê nhà trọ sống yên ổn cả đời, không cần cất nhà ở nên không cần cho lối đi vào, trường hợp cần thì bà M bán phần đất này lại cho ông K. Xung quanh không còn lối đi nào khác vào phần đất phía sau. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông K đang giữ.

Đối với khoản nợ ngân hàng, bà M rút yêu cầu nên ông K không ý kiến. Đối với số tiền hụi, ông K đồng ý trả cho bà M số tiền 12.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 22/10/2020, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 33, 34, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hồ Ngọc M.

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận ông Nguyễn Minh K về việc ông K có nghĩa vụ trả cho bà M tiền hụi 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Hồ Ngọc M được chia diện tích đất 143,8m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 93,8m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M1, M6, M7, M8, M9, M3, M2 về M1, thuộc một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17, do ông K và bà M đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/12/2009, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Minh K được chia diện tích đất 247,3m^2 (trong đó 100m^2 đất ONT và 147,3m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M6, M5, M4, M9, M8, M7 về M6, thuộc một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ 17, do ông K và bà M đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/12/2009, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Minh K di dời công trình, vật kiến trúc có trên phần đất bà M được chia có diện tích 143,8m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 93,8m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M1, M6, M7, M8, M9, M3, M2 về M1, thuộc một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ 17, do ông K và bà M đứng tên, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/12/2009, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2019 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 24/10/2019 kèm theo).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AP 583416, số vào sổ H.00416, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 cấp cho hộ ông Nguyễn Minh K, bà Hồ Ngọc M, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/12/2009, để cấp lại cho bà Hồ Ngọc M và ông Nguyễn Minh K theo diện tích Tòa án đã chia.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hồ Ngọc M về việc buộc ông Nguyễn Minh K trả số tiền nợ ngân hàng là 44.869.842 đồng.

3. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Minh K phải nộp 13.236.500 đồng án phí đối với tài sản được chia và 600.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Tổng cộng là 13.836.500 đồng.

- Buộc bà Hồ Ngọc M phải nộp 6.719.000 đồng án phí đối với tài sản được chia; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.155.000 đồng ngày 05/5/2020 theo biên lai số BI/2019/0005521 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà M được nhận lại 436.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc bà Hồ Ngọc M phải chịu tiền chi phí đo đạc, định giá là 1.329.500 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh K phải chịu tiền chi phí đo đạc, định giá là 1.329.500 đồng. Số tiền này bà Hồ Ngọc M đã tạm nộp và chi xong nên buộc ông Nguyễn Minh K trả lại cho bà Hồ Ngọc M 1.329.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020, ông Nguyễn Minh K kháng cáo yêu cầu xem xét lại việc chia diện tích đất 143,8m^2 cho bà M. Ông K đồng ý trả giá trị đất diện tích 143,8m^2 cho bà M, vì việc chia hiện vật thì phải tháo dở một phần nhà thờ của ông bà ông K để lại và xem xét lại phần án phí sơ thẩm số tiền 13.361.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Hồ Ngọc M đồng ý xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà M không rút đơn khởi kiện nhưng có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà M yêu cầu chia cho bà M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17 tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 125,1m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 75,1m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông K, bà M ngày 29/12/2009. Phần đất còn lại của thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 nêu trên có diện tích 266m^2 (trong đó 100m^2 đất ONT và 166m^2 đất CLN) ông K được quyền sử dụng, bà M không yêu cầu ông K hoàn trả giá trị chênh lệch về tài sản. Bà M tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông K trên diện tích đất bà M được chia với số tiền 80.000.000 đồng. Về giá trị đất tranh chấp, bà M thống nhất theo trị giá mà Hội đồng định giá huyện L đã kết luận, không yêu cầu định giá lại tài sản.

Bị đơn Nguyễn Minh K không rút kháng cáo, nhưng về án phí dân sự sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã sửa chữa, bổ sung nên ông K không kháng cáo phần quyết định này của bản án sơ thẩm. Ông K đồng ý chia cho bà M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17 tại ấp T, xã Tân M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 125,1m^2 trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông K, bà M ngày 29/12/2009. Ông K đồng ý nhận số tiền 80.000.000 đồng do bà M tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông K và ông K tự nguyện di dời công trình, vật kiến trúc có trên phần đất chia cho bà M được quyền sử dụng và trong quá trình di dời, khắc phục có thiệt hại thì ông K tự chịu trách nhiệm mà không yêu cầu gì đối với bà M. Phần đất còn lại của thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 nêu trên có diện tích 266m^2 (trong đó 100m^2 đất ONT và 166m^2 đất CLN) ông K được quyền sử dụng.

Về giá trị đất tranh chấp, ông K thống nhất theo trị giá mà Hội đồng định giá huyện L đã kết luận, không yêu cầu định giá lại tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh K đúng thời hạn luật định. Về tài sản chung thì tại phiên tòa phúc thẩm ông K và bà M đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó K đồng ý chia cho bà M diện tích đất 125,1m^2 trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/5/2021; phần đất còn lại thì ông K được chia. Đồng thời bà M tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông K trên đất bà M được chia với số tiền 80.000.000 đồng. Ông K đồng ý nhận số tiền 80.000.000 đồng do bà M tự nguyện bồi thường thiệt hại các tài sản của ông K và ông K tự nguyện di dời các tài sản có trên phần đất chia cho bà M. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 76/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà M và ông K tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh K nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh K, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Ông Nguyễn Minh K và bà Hồ Ngọc M đã ly hôn theo bản án phúc thẩm số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn, ông K và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản mà tự các đương sự thỏa thuận với nhau. Sau khi ly hôn các đương sự không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản nên đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Ông K và bà M thống nhất ngày 29/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ 17, diện tích 391,1m^2, đo đạc thực tế 391,1m^2 tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Minh K và bà Hồ Ngọc M. Về nguồn gốc đất thì ông K và bà M thống nhất do gia đình ông K tặng cho. Pháp luật hôn nhân và gia đình quy định, quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Do thửa đất số 4 hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông K và bà M nên là tài sản chung của vợ chồng ông K, bà M.

[3.3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà M yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất 143,8m^2. Tuy nhiên tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà M đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia cho bà M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, có diện tích 125,1m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 75,1m^2 đất CLN).

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M yêu cầu chia cho bà M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17 tại ấp T, xã Tân M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 125,1m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 75,1m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Minh K, bà Hồ Ngọc M ngày 29/12/2009; về phần đất còn lại của thửa đất số 4 nêu trên có diện tích 266m^2 (trong đó 100m^2 đất ONT và 166m^2 đất CLN) trong phạm vi các mốc M6, M7, M8, M9, M4, M5 về M6 thì ông K được quyền sử dụng, bà M không yêu cầu ông K hoàn trả giá trị chênh lệch về tài sản. Ông K đồng ý chia cho bà M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17, có diện tích 125,1m^2 trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/5/2021 có trong hồ sơ vụ án theo yêu cầu của bà M. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, quyết định sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông K trên diện tích đất bà M được chia với số tiền 80.000.000 đồng. Ông K đồng ý nhận số tiền 80.000.000 đồng do bà M bồi thường thiệt hại và tự nguyện di dời công trình, vật kiến trúc có trên phần đất chia cho bà M được quyền sử dụng, trong quá trình di dời, khắc phục có thiệt hại thì ông K tự chịu trách nhiệm mà không yêu cầu gì đối với bà M. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm số: 76/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; công nhận sự thỏa thuận giữa bà M và ông K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bà M và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản tương ứng với giá trị phần tài sản mà các đương sự được chia.

Ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 26, 27 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số: 76/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp về chia tài sản.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Về chia tài sản:

- Chia cho bà Hồ Ngọc M được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17 tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 125,1m^2 (trong đó 50m^2 đất ONT và 75,1m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M1, M10, M2, M3, M9, M8, M7, M6 về M1, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Minh K, bà Hồ Ngọc M ngày 29/12/2009.

- Chia cho ông Nguyễn Minh K được quyền sử dụng một phần của thửa đất số 4, tờ bản đồ 17 tại ấp T, xã Tân M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 266m^2 (trong đó 100m^2 đất ONT và 166m^2 đất CLN), trong phạm vi các mốc M6, M7, M8, M9, M4, M5 về M6, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Minh K, bà Hồ Ngọc M ngày 29/12/2009.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày 24/10/2019, ngày 05/5/2021).

- Bà Hồ Ngọc M tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Minh K trên diện tích đất bà M được chia với số tiền 80.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Minh K tự nguyện di dời công trình, vật kiến trúc có trên phần đất chia cho bà M được quyền sử dụng và trong quá trình di dời, khắc phục có thiệt hại thì ông K tự chịu trách nhiệm mà không yêu cầu gì đối với bà M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Hồ Ngọc M phải chịu 6.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.155.000 đồng theo biên lai số BI/2019/0005521 ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Bà M còn phải nộp số tiền 3.470.000 đồng.

- Ông Nguyễn Minh K phải chịu 13.330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia (chưa bao gồm 600.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện mà bản án sơ thẩm đã quyết định).

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009673 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm số tiền 400.000 đồng, ông K và bà M mỗi người phải chịu 200.000 đồng. Do bà M đã tạm ứng và đã chi xong nên ông K phải hoàn trả lại cho bà M số tiền 200.000 đồng.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng GĐKTNV-THA;
- Lưu: VT, HS (N)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng